

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Chung;
2. Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng Ch, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Hai đương sự cùng cư trú địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 6 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ch trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Ch và ông Nguyễn Văn S do mai mối nên thành hôn vào năm 2000, đến năm 2004 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Hôn nhân ban đầu sống hạnh phúc, đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do làm ăn thất bại, vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm bất đồng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay, khi sống ly thân cũng không liên lạc với nhau. Hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Hồng C, sinh ngày 31/12/2001 (Giới tính: Nữ) và Nguyễn Chí H, sinh ngày 17/02/2006 (Giới tính: Nam), hiện nay hai cháu sống chung với bà Ch. Sau khi ly hôn, Hồng C trưởng thành sống tự lập được nên không đặt ra yêu cầu giải quyết, về cháu H có yêu cầu tiếp tục nuôi, về cấp dưỡng không yêu cầu.

Về chia tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định ông S không có văn bản trả lời về vụ án. Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp và hòa giải 02 lần ông S vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ch có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Năm 2000 bà Nguyễn Hồng Ch và ông Nguyễn Văn S thành hôn do mai mối, đến năm 2004 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận kết hôn số 308 quyền số 2/2004 ngày 30 tháng 7 năm 2004, vì vậy quan hệ hôn nhân của hai đương sự được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Quá trình chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, theo trình bày của bà Ch thì thời gian về chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2016 do làm ăn thất bại nên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông bà sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng không có liên lạc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ch yêu cầu ly hôn với ông S; Ông S vắng mặt và cũng không có ý kiến. Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau gánh vác việc gia đình, nhưng giữa bà Ch và ông S sống riêng, ai lo thân người đó, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác, Tòa án triệu tập hòa giải hai lần và triệu tập xét xử hai lần nhưng ông S không một lần đến, cho thấy ông S không có thiện chí trong việc hòa giải hàn gắn hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hồng Ch; bà Ch được ly hôn với ông S.

[2] Về con chung: Theo trình bày của bà Ch thì vợ chồng bà có 02 người con chung tên Nguyễn Hồng C, sinh ngày 31/12/2001 (Giới tính: Nữ) và Nguyễn Chí H, sinh ngày 17/02/2006 (Giới tính: Nam), hiện nay hai cháu sống chung với bà Ch.

Bà Ch có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, cháu C đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu H, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu H cho bà Ch tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Bà Ch không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Ch phải chịu, được đổi trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Hồng Ch, bà Ch được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Giao cho bà Ch tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Chí H, sinh ngày 17/02/2006 (Giới tính: Nam).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Ch phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016492 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- UBND xã Đ, huyện N;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính